

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 31-5-2022

“V/v xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Thanh

Ông Nguyễn Đình Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M1, huyện M2, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** Ông Liêu Súm U, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M1, huyện M2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày: Nguyên năm 2001, bà và ông Liêu Súm U kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện V2, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 03/3/2003 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp C, xã M1, huyện M2. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận được 10 năm đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi, nguyên nhân do ông U có người phụ nữ khác bên ngoài, bà bắt gặp tin nhắn qua lại giữa hai người nên báo với gia đình chồng thì được gia đình chồng can thiệp nên ông U chấm dứt mối quan hệ đó. Sau đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa do ông U đi làm hay tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt, bỏ bê vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên can để ông U không thay đổi mà còn quá đáng hơn, mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến cãi vã thường xuyên. Gia đình hai bên đã nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Liêu Súm U.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Liêu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/10/2005 và Liêu Thị Xuân Y, sinh ngày 22/11/2002, hiện đang sống với bà M. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Y đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Liêu Súm U nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Liêu Súm U vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Liêu Súm U đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Liêu Súm U kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện V2, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 03/3/2003 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2003. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà M và ông U là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống bà M cho rằng vợ chồng hòa thuận được 10 năm, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi, nguyên nhân do ông U có người phụ nữ khác bên ngoài, được gia đình hai bên đã nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, ông U đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng vắng mặt không có lý do.

Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông U trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên xét việc bà M yêu cầu ly hôn với U là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà M xác định vợ chồng có 02 con chung Liêu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/10/2005 và Liêu Thị Xuân Y, sinh ngày 22/11/2002, hiện đang sống với bà, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Đ, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Y đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết cháu Đ cũng có nguyện vọng sống với mẹ là bà M nếu cha mẹ ly hôn nhau. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Xuân M được ly hôn với ông Liêu Súm U.

2/ Về con chung: Giao con chung Liêu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/10/2005 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Con chung Liêu Thị Xuân Y, sinh ngày 22/11/2002, đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M2 theo lai thu số No 0006914 ngày 24 tháng 01 năm 2022, bà M không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSND huyện M2;
- THADS huyện M2;
- UBND V1;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám

